BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã số: 7340101

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)
(Áp dụng đối với khóa 18)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về quản trị hoạt động kinh doanh, quản trị các chức năng kinh doanh và phân tích, ra quyết định quản trị. Chương trình đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề quản trị kinh doanh thông qua vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh số và bối cảnh toàn cầu hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh và vận hành các tổ chức kinh tế.

PO2: Có khả năng áp dụng được kiến thức ngành và chuyên ngành quản trị kinh doanh để tham gia tổ chức, điều hành và phát triển các hoạt động của doanh nghiệp, hoặc tự khởi sự và điều hành hoạt động kinh doanh độc lập một cách hiệu quả.

PO3: Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp số. Đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng trí tuệ nhân tạo để trình bày, trao đổi và giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh.

PO4: Có khả năng thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, thông qua phân tích và đánh giá dữ liệu, hoạt động quản trị của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các giải pháp quản trị khả thi nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bán hàng và quản trị nguồn nhân lực.

PO5: Có năng lực làm việc độc lập, phối hợp nhóm; khả năng quản lý công việc; khả năng tự định hướng nghề nghiệp và thích ứng với thay đổi; khả năng tự học suốt đời; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, pháp luật – an toàn – môi trường để làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề kinh doanh trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI1.1 *Vận dụng* được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp	3
		PI1.2 *Vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng** được kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực nghề nghiệp trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI2.1 *Vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học quản lý vào giải quyết các vấn đề của quản trị kinh doanh	3
		PI2.2 *Vận dụng* được kiến thức cơ bản về kinh tế vào giải quyết các vấn đề của quản trị kinh doanh	3
3	**PLO3**	**Áp dụng** được kiến thức về quản trị các lĩnh vực hoạt động trong doanh nghiệp để giải thích và xử lý các vấn đề cơ bản của doanh nghiệp và đánh giá sự đóng góp của các chiến lược chức năng đối với chiến lược kinh doanh tổng thể.	**3**
		PI 3.1 Nhận diện được vấn đề cơ bản trong hoạt động kinh doanh và xác định cách thức quản trị chức năng (marketing, nhân lực, tài chính, sản xuất,…) có thể hỗ trợ giải quyết vấn đề đó.	3
		PI 3.2 Đánh giá được mức độ đóng góp của các chiến lược chức năng đối với chiến lược kinh doanh tổng thể trong một tình huống hoặc mô hình kinh doanh cụ thể.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		Định hướng đào tạo: Quản trị kinh doanh tổng hợp (Module 1)	
4	**PLO4.01**	Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	**4**
		PI 4.1.01 *Thiết lập* được kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh trong môi trường kinh doanh thực tiễn tại doanh nghiệp	4
		PI 4.2.01 *Đề xuất* được những điều chỉnh cần thiết trong quá trình thực thi kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị bán hàng (Module 2)	
	PLO4.02	Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị bán hàng nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và thực thi các hoạt động bán hàng của doanh nghiệp	**4**
		PI 4.1.02 *Thiết lập* được chính sách bán hàng phù hợp với quá trình thực thi chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp	4
		PI 4.2.02 *Đề xuất* được những điều chỉnh cần thiết trong quá trình thực thi kế hoạch bán hàng	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị nhân lực (Module 3)	
	PLO4.03	Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị nhân lực nhằm thực thi hiệu quả các hoạt động chức năng của quản trị nhân lực trong bối cảnh doanh nghiệp	**4**
		PI4.1.03 *Thiết lập* được chính sách thu hút nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp	4
		PI4.2.03 *Thực hiện* được duy trì và phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	4
Kỹ năng chung			**Thang Dave**
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** nền tảng và hệ thống quản trị doanh nghiệp số trong tổ chức điều hành và tối ưu hóa các quy trình vận hành doanh nghiệp	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
	PLO8	Vận dụng kỹ năng nghiên cứu thị trường để phân tích nhu cầu, xu hướng và môi trường kinh doanh; từ đó xác định mục tiêu và lập kế hoạch huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.	**3**
		PI8.1. Vận dụng các kỹ năng nghiên cứu thị trường để thu thập, xử lý và phân tích thông tin về nhu cầu khách hàng, xu hướng và môi trường kinh doanh trong các tình huống cụ thể của doanh nghiệp.	3
		PI8.2. Xác định được mục tiêu kinh doanh và lập kế hoạch huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực chủ yếu của doanh nghiệp một cách phù hợp.	3
	PLO9	Thực hiện được kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động	**3**
		PI9.1 Phân tích được kế hoạch tác nghiệp cơ bản và sử dụng các chỉ tiêu phù hợp để đo lường mức độ thực hiện, hiệu quả hoạt động tác nghiệp của doanh nghiệp.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI9.2 Đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp của các kế hoạch tác nghiệp trong môi trường kinh doanh biến động.	3
		Định hướng đào tạo: Quản trị kinh doanh tổng hợp (Module 1)	
10	**PLO10.01**	Đề xuất các định hướng chiến lược kinh doanh hoặc dự án kinh doanh phù hợp với mục tiêu phát triển và bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp.	**4**
		PI 10.1.01 Đánh giá bối cảnh kinh doanh, mục tiêu và nguồn lực của doanh nghiệp làm căn cứ cho việc đề xuất định hướng chiến lược kinh doanh hoặc dự án kinh doanh.	4
		PI 10.2.01 Lập luận và đề xuất các định hướng chiến lược kinh doanh hoặc dự án kinh doanh phù hợp với bối cảnh kinh doanh và nguồn lực thực tế của doanh nghiệp	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị bán hàng (Module 2)	
	PLO10.02	Đánh giá và đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả bán hàng phù hợp với bối cảnh và nguồn lực thực tiễn	**4**
		PI 10.1.02 Đánh giá thực trạng hoạt động bán hàng của doanh nghiệp dựa trên dữ liệu và hệ thống chỉ tiêu phù hợp nhằm xác định các vấn đề trọng tâm ảnh hưởng đến hiệu quả bán hàng	4
		PI 10.2.02 Đề xuất các giải pháp hoặc phương án điều chỉnh hoạt động bán hàng dựa trên kết quả phân tích, phù hợp với bối cảnh kinh doanh và nguồn lực thực tế của doanh nghiệp	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị nhân lực (Module 3)	
	PLO10.03	**Xây dựng** và **thực thi** được kế hoạch thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu phát triển của doanh nghiệp	**4**
		PI 10.1.03 Thiết kế được kế hoạch thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực dựa trên phân tích nhu cầu nhân lực, yêu cầu công việc, mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp	4
		PI 10.2.03 Đánh giá được kế hoạch nhân lực thông qua áp dụng các phương pháp nghiệp vụ phù hợp và phân tích hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực	4
Mức tự chủ trách nhiệm			**Thang Krathwohl**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc chuyên môn.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI 12.1. Chủ động tìm hiểu kiến thức và tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm về các quyết định của bản thân và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc trong các tổ chức kinh doanh ở mọi thành phần kinh tế, cơ quan chính quyền và các tổ chức phi lợi nhuận với các nhóm vị trí có thể đảm nhận:

- Nhóm chuyên viên kinh doanh, bán hàng: nhân viên kinh doanh, trưởng cửa hàng bán lẻ, giám sát bán hàng.v.v.; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng kinh doanh, giám đốc bán hàng vùng/khu vực, giám đốc phụ trách kinh doanh.v.v.;

- Nhóm chuyên viên phân tích và tư vấn quản trị kinh doanh: trợ lý phân tích và tổng hợp báo cáo về môi trường kinh doanh; lập kế hoạch tài chính, sản xuất, marketing, nhân sự; trợ lý

xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh; hỗ trợ trong giao dịch kinh doanh và sắp xếp công tác cho lãnh đạo; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phụ trách các phòng ban chức năng, giám đốc phụ trách bộ phận, giám đốc/tổng giám đốc điều hành doanh nghiệp;

- Nhóm chuyên viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: chuyên viên kế hoạch sản xuất, quản lý chất lượng và năng suất, quản đốc phân xưởng sản xuất, chuyên viên điều phối kho vận, mua sắm và quản lý hàng tồn kho, chuyên viên marketing, chuyên viên R&D, trưởng nhóm tiếp thị, chuyên viên nhân sự, chuyên viên phân tích tài chính và đầu tư, chuyên viên quản lý dự án.v.v.; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng các bộ phận/phòng chức năng, giám đốc phụ trách các lĩnh vực chức năng trong doanh nghiệp, giám đốc/tổng giám đốc doanh nghiệp, tổ chức/tập đoàn;

- Nhóm doanh nhân khởi nghiệp: có khả năng tự khởi nghiệp, tạo lập và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành doanh nghiệp rất nhỏ, nhỏ và vừa.

- Nhóm chuyên viên nghiên cứu, giảng dạy và quản lý thị trường: chuyên viên nghiên cứu quản trị kinh doanh, phân tích dự báo thị trường, quản lý thị trường tại các viện nghiên cứu tư vấn chính sách và kinh doanh/ cơ quan quản lý thị trường; trợ giảng tại các cơ sở giáo dục đại học; triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn về quản trị kinh doanh tại các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ và các tập đoàn kinh tế.

Tùy thuộc năng lực của mỗi cá nhân sau khi tốt nghiệp mà cử nhân Quản trị kinh doanh sẽ đảm nhận những vị trí công việc nào tại các tổ chức, doanh nghiệp. Con đường phát triển nghề nghiệp nhìn chung theo định hướng như sau:

- **Trong thời gian từ 0-4 năm** đầu tiên sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị kinh doanh có thể làm tại một vị trí công việc hoặc luân chuyển ở nhiều vị trí công việc về kinh doanh; trợ lý cho các nhà quản trị cấp trung; quản trị viên cấp tác nghiệp thuộc các lĩnh vực chức năng khác nhau và tự khởi sự kinh doanh. Cụ thể, họ có thể là:

• *Nhân viên kinh doanh*

• *Nhân viên/quản trị viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: marketing, sản xuất, bán hàng, nhân sự, dự án, chất lượng, cung ứng vật tư*

• *Trợ lý trưởng bộ phận kinh doanh*

• *Trợ lý dự án*

• *Chuyên viên phân tích và tư vấn kinh doanh*

• *Chủ doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở kinh doanh nhỏ*

- **5-10 năm:** cử nhân Quản trị kinh doanh có thể phát triển đến các vị trí:

• *Trưởng một đơn vị trực thuộc: trưởng cửa hàng bán lẻ, trưởng chi nhánh, đại diện khu vực*

• *Giám đốc điều hành vùng/khu vực*

• *Chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ*

o **Sau 10 năm,** với các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tích lũy được từ hoạt động quản trị điều hành nhiều chức năng khác nhau và quản lý điều hành tổng quát các đơn vị cấp nhỏ lẻ, đỉnh cao nghề nghiệp của một cử nhân Quản trị kinh doanh là:

• *Giám đốc doanh nghiệp*

• *Tổng giám đốc tổng công ty/tập đoàn*

• *Chủ một doanh nghiệp phát triển bền vững*

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để có thể:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
	PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung:												
Mục tiêu cụ thể												
PO1	x											
PO2		x	x	x								
PO3					x	x	x					
PO4								x	x	x		
PO5											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *59 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *30 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *9 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT, TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33,24,90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26,8,60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
001102	1. Xác suất thống kê	KHƯD	3	(36,18,90)	x
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	3	(36,18,90)	x
002967	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15,0,30)	
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15,0,30)	x
002238	3. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	QT&MAR	1	(15,0,30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15,0,30)	x
002969	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	P. KHCN	1	(15,0,30)	
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37,16,0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22,16,0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7,16,0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4,56,0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**26**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		***14***		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
001201	3. Quản trị học	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	KT	3	(39,12,90)	x
000568	5. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26,8,60)	x
001269	6. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26,8,60)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		***12***		
003362	Văn hoá doanh nghiệp	QT&MAR	3	(36,18,90)	
000519	Văn hóa kinh doanh	TM	2	(26,8,60)	x
000566	Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26,8,60)	x
003363	Đạo đức kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
000480	Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	2	(26,8,60)	x
003364	Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001109	Tài chính tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	x
000666	Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
001717	Kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(39,12,90)	x
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**47**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		***35***		
001104	Marketing căn bản	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000497	Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000970	Quản trị tài chính	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001427	Quản trị sản xuất	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001392	Quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001426	Quản trị chiến lược	QT&MAR	3	(36,18,90	x
001106	Quản trị kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001324	Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
001345	Thực hành quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
001108	Thực hành quản trị tài chính	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
001373	Thực hành quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong các học phần)		***12***		
001107	1. Quản trị Marketing	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001608	2. Truyền thông marketing tích hợp	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001370	3. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
001607	4. Quản trị Logistics	TM	3	(39,12,90)	
002062	5. Quản trị đổi mới sáng tạo	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002568	6. Khởi sự kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001105	7. Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001601	8. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001371	9. Quản trị hành chính văn phòng	QT&MAR	3	(36,18,90	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001617	10. Quản trị nhóm làm việc	QT&MAR	3	(36,18,90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		**25**		
	2.3.1. Module 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		8		
001254	1. Quản trị chất lượng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001893	2. Thực hành mô phỏng chiến lược	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
001253	1. Quản trị dự án	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001335	2. Lập và quản lý dự án đầu tư	QT&MAR	3	(36,18,90)	
000899	**Thực tập cuối khoá ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003373	Chuyên đề 1: Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003374	Chuyên đề 2: Quản trị thương hiệu	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003375	Chuyên đề 3: Quản trị chất lượng dịch vụ	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
	2.3.2. Module 2: Quản trị bán hàng		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		8		
002719	1. Quản trị bán lẻ	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002720	2. Thực hành quản trị bán lẻ	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
003376	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động bán hàng	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
002101	1. Quản trị quan hệ khách hàng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002390	2. Quan hệ công chúng	QT&MAR	3	(36,18,90)	
000899	**Thực tập cuối khóa ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003377	Chuyên đề 1: Digital marketing	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003378	Chuyên đề 2: Quản trị kênh phân phối	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003379	Chuyên đề 3: Marketing B2B	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
	2.3.3. Module 3: Quản trị nhân lực		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		8		
002721	1. Tuyển dụng nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002723	2. Thực hành tuyển dụng nhân lực	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
003380	3. Tiểu luận 2: Đánh giá hiệu suất nhân lực	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
002722	1. Phát triển nguồn nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002725	2. Tổ chức và định mức lao động	QT&MAR	3	(36,18,90)	
000899	**Thực tập cuối khóa ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003381	Chuyên đề 1: Quản trị nhân lực số	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003382	Chuyên đề 2: Quan hệ lao động	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003383	Chuyên đề 3: Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	QT&MAR	3	(0,90,0)	x

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

☐ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

☐ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

☐ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...

- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã số: 7340101

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)
(Áp dụng đối với khóa 19)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về quản trị hoạt động kinh doanh, quản trị các chức năng kinh doanh và phân tích, ra quyết định quản trị. Chương trình đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề quản trị kinh doanh thông qua vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh số và bối cảnh toàn cầu hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh và vận hành các tổ chức kinh tế.

PO2: Có khả năng áp dụng được kiến thức ngành và chuyên ngành quản trị kinh doanh để tham gia tổ chức, điều hành và phát triển các hoạt động của doanh nghiệp, hoặc tự khởi sự và điều hành hoạt động kinh doanh độc lập một cách hiệu quả.

PO3: Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp số. Đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng trí tuệ nhân tạo để trình bày, trao đổi và giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh.

PO4: Có khả năng thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, thông qua phân tích và đánh giá dữ liệu, hoạt động quản trị của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các giải pháp quản trị khả thi nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bán hàng và quản trị nguồn nhân lực.

PO5: Có năng lực làm việc độc lập, phối hợp nhóm; khả năng quản lý công việc; khả năng tự định hướng nghề nghiệp và thích ứng với thay đổi; khả năng tự học suốt đời; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, pháp luật – an toàn – môi trường để làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề kinh doanh trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI1.1 *Vận dụng* được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp	3
		PI1.2 *Vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng** được kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực nghề nghiệp trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI2.1 *Vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học quản lý vào giải quyết các vấn đề của quản trị kinh doanh	3
		PI2.2 *Vận dụng* được kiến thức cơ bản về kinh tế vào giải quyết các vấn đề của quản trị kinh doanh	3
3	**PLO3**	**Áp dụng** được kiến thức về quản trị các lĩnh vực hoạt động trong doanh nghiệp để giải thích và xử lý các vấn đề cơ bản của doanh nghiệp và đánh giá sự đóng góp của các chiến lược chức năng đối với chiến lược kinh doanh tổng thể.	**3**
		PI 3.1 Nhận diện được vấn đề cơ bản trong hoạt động kinh doanh và xác định cách thức quản trị chức năng (marketing, nhân lực, tài chính, sản xuất,…) có thể hỗ trợ giải quyết vấn đề đó.	3
		PI 3.2 Đánh giá được mức độ đóng góp của các chiến lược chức năng đối với chiến lược kinh doanh tổng thể trong một tình huống hoặc mô hình kinh doanh cụ thể.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		Định hướng đào tạo: Quản trị kinh doanh tổng hợp (Module 1)	
4	**PLO4.01**	Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	**4**
		PI 4.1.01 *Thiết lập* được kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh trong môi trường kinh doanh thực tiễn tại doanh nghiệp	4
		PI 4.2.01 *Đề xuất* được những điều chỉnh cần thiết trong quá trình thực thi kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị bán hàng (Module 2)	
	PLO4.02	Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị bán hàng nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và thực thi các hoạt động bán hàng của doanh nghiệp	**4**
		PI 4.1.02 *Thiết lập* được chính sách bán hàng phù hợp với quá trình thực thi chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp	4
		PI 4.2.02 *Đề xuất* được những điều chỉnh cần thiết trong quá trình thực thi kế hoạch bán hàng	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị nhân lực (Module 3)	
	PLO4.03	Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị nhân lực nhằm thực thi hiệu quả các hoạt động chức năng của quản trị nhân lực trong bối cảnh doanh nghiệp	**4**
		PI4.1.03 *Thiết lập* được chính sách thu hút nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp	4
		PI4.2.03 *Thực hiện* được duy trì và phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	4
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** nền tảng và hệ thống quản trị doanh nghiệp số trong tổ chức điều hành và tối ưu hóa các quy trình vận hành doanh nghiệp	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	Vận dụng kỹ năng nghiên cứu thị trường để phân tích nhu cầu, xu hướng và môi trường kinh doanh; từ đó xác định mục tiêu và lập kế hoạch huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.	**3**
		PI8.1. Vận dụng các kỹ năng nghiên cứu thị trường để thu thập, xử lý và phân tích thông tin về nhu cầu khách hàng, xu hướng và môi trường kinh doanh trong các tình huống cụ thể của doanh nghiệp.	3
		PI8.2. Xác định được mục tiêu kinh doanh và lập kế hoạch huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực chủ yếu của doanh nghiệp một cách phù hợp.	3
9	**PLO9**	Thực hiện được kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động	**3**
		PI9.1 Phân tích được kế hoạch tác nghiệp cơ bản và sử dụng các chỉ tiêu phù hợp để đo lường mức độ thực hiện, hiệu quả hoạt động tác nghiệp của doanh nghiệp.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI9.2 Đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp của các kế hoạch tác nghiệp trong môi trường kinh doanh biến động.	3
		Định hướng đào tạo: Quản trị kinh doanh tổng hợp (Module 1)	
10	**PLO10.01**	Đề xuất các định hướng chiến lược kinh doanh hoặc dự án kinh doanh phù hợp với mục tiêu phát triển và bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp.	**4**
		PI 10.1.01 Đánh giá bối cảnh kinh doanh, mục tiêu và nguồn lực của doanh nghiệp làm căn cứ cho việc đề xuất định hướng chiến lược kinh doanh hoặc dự án kinh doanh.	4
		PI 10.2.01 Lập luận và đề xuất các định hướng chiến lược kinh doanh hoặc dự án kinh doanh phù hợp với bối cảnh kinh doanh và nguồn lực thực tế của doanh nghiệp	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị bán hàng (Module 2)	
	PLO10.02	Đánh giá và đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả bán hàng phù hợp với bối cảnh và nguồn lực thực tiễn	**4**
		PI 10.1.02 Đánh giá thực trạng hoạt động bán hàng của doanh nghiệp dựa trên dữ liệu và hệ thống chỉ tiêu phù hợp nhằm xác định các vấn đề trọng tâm ảnh hưởng đến hiệu quả bán hàng	4
		PI 10.2.02 Đề xuất các giải pháp hoặc phương án điều chỉnh hoạt động bán hàng dựa trên kết quả phân tích, phù hợp với bối cảnh kinh doanh và nguồn lực thực tế của doanh nghiệp	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị nhân lực (Module 3)	
	PLO10.03	**Xây dựng** và **thực thi** được kế hoạch thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu phát triển của doanh nghiệp	**4**
		PI 10.1.03 Thiết kế được kế hoạch thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực dựa trên phân tích nhu cầu nhân lực, yêu cầu công việc, mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp	4
		PI 10.2.03 Đánh giá được kế hoạch nhân lực thông qua áp dụng các phương pháp nghiệp vụ phù hợp và phân tích hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực	4
Mức tự chủ trách nhiệm			

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc chuyên môn.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI 12.1. Chủ động tìm hiểu kiến thức và tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm về các quyết định của bản thân và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc trong các tổ chức kinh doanh ở mọi thành phần kinh tế, cơ quan chính quyền và các tổ chức phi lợi nhuận với các nhóm vị trí có thể đảm nhận:

- Nhóm chuyên viên kinh doanh, bán hàng: nhân viên kinh doanh, trưởng cửa hàng bán lẻ, giám sát bán hàng.v.v.; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng kinh doanh, giám đốc bán hàng vùng/khu vực, giám đốc phụ trách kinh doanh.v.v.;

- Nhóm chuyên viên phân tích và tư vấn quản trị kinh doanh: trợ lý phân tích và tổng hợp báo cáo về môi trường kinh doanh; lập kế hoạch tài chính, sản xuất, marketing, nhân sự; trợ lý

xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh; hỗ trợ trong giao dịch kinh doanh và sắp xếp công tác cho lãnh đạo; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phụ trách các phòng ban chức năng, giám đốc phụ trách bộ phận, giám đốc/tổng giám đốc điều hành doanh nghiệp;

- Nhóm chuyên viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: chuyên viên kế hoạch sản xuất, quản lý chất lượng và năng suất, quản đốc phân xưởng sản xuất, chuyên viên điều phối kho vận, mua sắm và quản lý hàng tồn kho, chuyên viên marketing, chuyên viên R&D, trưởng nhóm tiếp thị, chuyên viên nhân sự, chuyên viên phân tích tài chính và đầu tư, chuyên viên quản lý dự án.v.v.; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng các bộ phận/phòng chức năng, giám đốc phụ trách các lĩnh vực chức năng trong doanh nghiệp, giám đốc/tổng giám đốc doanh nghiệp, tổ chức/tập đoàn;

- Nhóm doanh nhân khởi nghiệp: có khả năng tự khởi nghiệp, tạo lập và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành doanh nghiệp rất nhỏ, nhỏ và vừa.

- Nhóm chuyên viên nghiên cứu, giảng dạy và quản lý thị trường: chuyên viên nghiên cứu quản trị kinh doanh, phân tích dự báo thị trường, quản lý thị trường tại các viện nghiên cứu tư vấn chính sách và kinh doanh/ cơ quan quản lý thị trường; trợ giảng tại các cơ sở giáo dục đại học; triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn về quản trị kinh doanh tại các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ và các tập đoàn kinh tế.

Tùy thuộc năng lực của mỗi cá nhân sau khi tốt nghiệp mà cử nhân Quản trị kinh doanh sẽ đảm nhận những vị trí công việc nào tại các tổ chức, doanh nghiệp. Con đường phát triển nghề nghiệp nhìn chung theo định hướng như sau:

- **Trong thời gian từ 0-4 năm** đầu tiên sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị kinh doanh có thể làm tại một vị trí công việc hoặc luân chuyển ở nhiều vị trí công việc về kinh doanh; trợ lý cho các nhà quản trị cấp trung; quản trị viên cấp tác nghiệp thuộc các lĩnh vực chức năng khác nhau và tự khởi sự kinh doanh. Cụ thể, họ có thể là:

• *Nhân viên kinh doanh*

• *Nhân viên/quản trị viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: marketing, sản xuất, bán hàng, nhân sự, dự án, chất lượng, cung ứng vật tư*

• *Trợ lý trưởng bộ phận kinh doanh*

• *Trợ lý dự án*

• *Chuyên viên phân tích và tư vấn kinh doanh*

• *Chủ doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở kinh doanh nhỏ*

- **5-10 năm:** cử nhân Quản trị kinh doanh có thể phát triển đến các vị trí:

• *Trưởng một đơn vị trực thuộc: trưởng cửa hàng bán lẻ, trưởng chi nhánh, đại diện khu vực*

• *Giám đốc điều hành vùng/khu vực*

• *Chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ*

o **Sau 10 năm,** với các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tích lũy được từ hoạt động quản trị điều hành nhiều chức năng khác nhau và quản lý điều hành tổng quát các đơn vị cấp nhỏ lẻ, đỉnh cao nghề nghiệp của một cử nhân Quản trị kinh doanh là:

• *Giám đốc doanh nghiệp*

• *Tổng giám đốc tổng công ty/tập đoàn*

• *Chủ một doanh nghiệp phát triển bền vững*

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để có thể:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
	PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung:												
Mục tiêu cụ thể												
PO1	x											
PO2		x	x	x								
PO3					x	x	x					
PO4								x	x	x		
PO5											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 37 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 99 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *60 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *30 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *9 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT, TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (37 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**37**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33,24,90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26,8,60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**5**		
001102	1. Xác suất thống kê	KHƯD	3	(36,18,90)	x
003283	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	2	(26,8,60)	x
002967	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15,0,30)	
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15,0,30)	x
002238	3. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	QT&MAR	1	(15,0,30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15,0,30)	x
002969	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	P. KHCN	1	(15,0,30)	
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37,16,0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22,16,0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7,16,0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4,56,0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (99 tín chỉ)			**99**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**24**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		***14***		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
001201	3. Quản trị học	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	KT	3	(39,12,90)	x
000568	5. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26,8,60)	x
001269	6. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26,8,60)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong các học phần)		***10***		
003362	Văn hoá doanh nghiệp	QT&MAR	3	(36,18,90)	
000519	Văn hóa kinh doanh	TM	2	(26,8,60)	x
000566	Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26,8,60)	x
003363	Đạo đức kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001715	Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	3	(36,18,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003364	Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001109	Tài chính tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	x
000666	Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**50**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		***35***		
001104	Marketing căn bản	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000497	Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000970	Quản trị tài chính	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001427	Quản trị sản xuất	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001392	Quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001426	Quản trị chiến lược	QT&MAR	3	(36,18,90	x
001106	Quản trị kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001324	Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
001345	Thực hành quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
001108	Thực hành quản trị tài chính	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
001373	Thực hành quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		***15***		
001107	1. Quản trị Marketing	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001608	2. Truyền thông marketing tích hợp	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001370	3. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
001607	4. Quản trị Logistics	TM	3	(39,12,90)	
002062	5. Quản trị đổi mới sáng tạo	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002568	6. Khởi sự kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001105	7. Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001601	8. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001371	9. Quản trị hành chính văn phòng	QT&MAR	3	(36,18,90	x
001617	10. Quản trị nhóm làm việc	QT&MAR	3	(36,18,90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		**25**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	2.3.1. Module 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		8		
001254	1. Quản trị chất lượng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001893	2. Thực hành mô phỏng chiến lược	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
001253	1. Quản trị dự án	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001335	2. Lập và quản lý dự án đầu tư	QT&MAR	3	(36,18,90)	
000899	**Thực tập cuối khoá ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003373	Chuyên đề 1: Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003374	Chuyên đề 2: Quản trị thương hiệu	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003375	Chuyên đề 3: Quản trị chất lượng dịch vụ	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
	2.3.2. Module 2: Quản trị bán hàng		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		8		
002719	1. Quản trị bán lẻ	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002720	2. Thực hành quản trị bán lẻ	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
003376	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động bán hàng	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
002101	1. Quản trị quan hệ khách hàng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002390	2. Quan hệ công chúng	QT&MAR	3	(36,18,90)	
000899	**Thực tập cuối khóa ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003377	Chuyên đề 1: Digital marketing	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003378	Chuyên đề 2: Quản trị kênh phân phối	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003379	Chuyên đề 3: Marketing B2B	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
	2.3.3. Module 3: Quản trị nhân lực		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		8		
002721	1. Tuyển dụng nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002723	2. Thực hành tuyển dụng nhân lực	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
003380	3. Tiểu luận 2: Đánh giá hiệu suất nhân lực	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
002722	1. Phát triển nguồn nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002725	2. Tổ chức và định mức lao động	QT&MAR	3	(36,18,90)	
000899	**Thực tập cuối khóa ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003381	Chuyên đề 1: Quản trị nhân lực số	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003382	Chuyên đề 2: Quan hệ lao động	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003383	Chuyên đề 3: Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	QT&MAR	3	(0,90,0)	x

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

☐ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

☐ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

☐ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã số: 7340101

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng từ khóa 20)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về quản trị hoạt động kinh doanh, quản trị các chức năng kinh doanh và phân tích, ra quyết định quản trị. Chương trình đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề quản trị kinh doanh thông qua vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh số và bối cảnh toàn cầu hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh và vận hành các tổ chức kinh tế.

PO2: Có khả năng áp dụng được kiến thức ngành và chuyên ngành quản trị kinh doanh để tham gia tổ chức, điều hành và phát triển các hoạt động của doanh nghiệp, hoặc tự khởi sự và điều hành hoạt động kinh doanh độc lập một cách hiệu quả.

PO3: Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp số. Đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng trí tuệ nhân tạo để trình bày, trao đổi và giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh.

PO4: Có khả năng thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, thông qua phân tích và đánh giá dữ liệu, hoạt động quản trị của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các giải pháp quản trị khả thi nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bán hàng và quản trị nguồn nhân lực.

PO5: Có năng lực làm việc độc lập, phối hợp nhóm; khả năng quản lý công việc; khả năng tự định hướng nghề nghiệp và thích ứng với thay đổi; khả năng tự học suốt đời; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, pháp luật – an toàn – môi trường để làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề kinh doanh trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI1.1 *Vận dụng* được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp	3
		PI1.2 *Vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng** được kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực nghề nghiệp trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI2.1 *Vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học quản lý vào giải quyết các vấn đề của quản trị kinh doanh	3
		PI2.2 *Vận dụng* được kiến thức cơ bản về kinh tế vào giải quyết các vấn đề của quản trị kinh doanh	3
3	**PLO3**	**Áp dụng** được kiến thức về quản trị các lĩnh vực hoạt động trong doanh nghiệp để giải thích và xử lý các vấn đề cơ bản của doanh nghiệp và đánh giá sự đóng góp của các chiến lược chức năng đối với chiến lược kinh doanh tổng thể.	**3**
		PI 3.1 Nhận diện được vấn đề cơ bản trong hoạt động kinh doanh và xác định cách thức quản trị chức năng (marketing, nhân lực, tài chính, sản xuất,…) có thể hỗ trợ giải quyết vấn đề đó.	3
		PI 3.2 Đánh giá được mức độ đóng góp của các chiến lược chức năng đối với chiến lược kinh doanh tổng thể trong một tình huống hoặc mô hình kinh doanh cụ thể.	3
		Định hướng đào tạo: Quản trị kinh doanh tổng hợp (Module 1)	

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
4	**PLO4.01**	Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	**4**
		PI 4.1.01 *Thiết lập* được kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh trong môi trường kinh doanh thực tiễn tại doanh nghiệp	4
		PI 4.2.01 *Đề xuất* được những điều chỉnh cần thiết trong quá trình thực thi kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị bán hàng (Module 2)	
	PLO4.02	Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị bán hàng nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và thực thi các hoạt động bán hàng của doanh nghiệp	**4**
		PI 4.1.02 *Thiết lập* được chính sách bán hàng phù hợp với quá trình thực thi chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp	4
		PI 4.2.02 *Đề xuất* được những điều chỉnh cần thiết trong quá trình thực thi kế hoạch bán hàng	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị nhân lực (Module 3)	
	PLO4.03	Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị nhân lực nhằm thực thi hiệu quả các hoạt động chức năng của quản trị nhân lực trong bối cảnh doanh nghiệp	**4**
		PI4.1.03 *Thiết lập* được chính sách thu hút nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp	4
		PI4.2.03 *Thực hiện* được duy trì và phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	4
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, **tinh thần khởi nghiệp** và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo** nền tảng và hệ thống quản trị doanh nghiệp số trong tổ chức điều hành và tối ưu hóa các quy trình vận hành doanh nghiệp	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
	PLO8	Vận dụng kỹ năng nghiên cứu thị trường để phân tích nhu cầu, xu hướng và môi trường kinh doanh; từ đó xác định mục tiêu và lập kế hoạch huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.	**3**
		PI8.1. Vận dụng các kỹ năng nghiên cứu thị trường để thu thập, xử lý và phân tích thông tin về nhu cầu khách hàng, xu hướng và môi trường kinh doanh trong các tình huống cụ thể của doanh nghiệp.	3
		PI8.2. Xác định được mục tiêu kinh doanh và lập kế hoạch huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực chủ yếu của doanh nghiệp một cách phù hợp.	3
	PLO9	Thực hiện được kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động	**3**
		PI9.1 Phân tích được kế hoạch tác nghiệp cơ bản và sử dụng các chỉ tiêu phù hợp để đo lường mức độ thực hiện, hiệu quả hoạt động tác nghiệp của doanh nghiệp.	3
		PI9.2 Đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp của các kế hoạch tác nghiệp trong môi trường kinh doanh biến động.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		Định hướng đào tạo: Quản trị kinh doanh tổng hợp (Module 1)	
10	**PLO10.01**	Đề xuất các định hướng chiến lược kinh doanh hoặc dự án kinh doanh phù hợp với mục tiêu phát triển và bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp.	**4**
		PI 10.1.01 Đánh giá bối cảnh kinh doanh, mục tiêu và nguồn lực của doanh nghiệp làm căn cứ cho việc đề xuất định hướng chiến lược kinh doanh hoặc dự án kinh doanh.	4
		PI 10.2.01 Lập luận và đề xuất các định hướng chiến lược kinh doanh hoặc dự án kinh doanh phù hợp với bối cảnh kinh doanh và nguồn lực thực tế của doanh nghiệp	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị bán hàng (Module 2)	
	PLO10.02	Đánh giá và đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả bán hàng phù hợp với bối cảnh và nguồn lực thực tiễn	**4**
		PI 10.1.02 Đánh giá thực trạng hoạt động bán hàng của doanh nghiệp dựa trên dữ liệu và hệ thống chỉ tiêu phù hợp nhằm xác định các vấn đề trọng tâm ảnh hưởng đến hiệu quả bán hàng	4
		PI 10.2.02 Đề xuất các giải pháp hoặc phương án điều chỉnh hoạt động bán hàng dựa trên kết quả phân tích, phù hợp với bối cảnh kinh doanh và nguồn lực thực tế của doanh nghiệp	4
		Định hướng đào tạo: Quản trị nhân lực (Module 3)	
	PLO10.03	**Xây dựng** và **thực thi** được kế hoạch thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu phát triển của doanh nghiệp	**4**
		PI 10.1.03 Thiết kế được kế hoạch thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực dựa trên phân tích nhu cầu nhân lực, yêu cầu công việc, mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp	4
		PI 10.2.03 Đánh giá được kế hoạch nhân lực thông qua áp dụng các phương pháp nghiệp vụ phù hợp và phân tích hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc chuyên môn.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI 12.1. Chủ động tìm hiểu kiến thức và tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm về các quyết định của bản thân và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc trong các tổ chức kinh doanh ở mọi thành phần kinh tế, cơ quan chính quyền và các tổ chức phi lợi nhuận với các nhóm vị trí có thể đảm nhận:

- Nhóm chuyên viên kinh doanh, bán hàng: nhân viên kinh doanh, trưởng cửa hàng bán lẻ, giám sát bán hàng.v.v.; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng kinh doanh, giám đốc bán hàng vùng/khu vực, giám đốc phụ trách kinh doanh.v.v.;

- Nhóm chuyên viên phân tích và tư vấn quản trị kinh doanh: trợ lý phân tích và tổng hợp báo cáo về môi trường kinh doanh; lập kế hoạch tài chính, sản xuất, marketing, nhân sự; trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh; hỗ trợ trong giao dịch kinh doanh và sắp xếp công tác cho lãnh đạo; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phụ trách

các phòng ban chức năng, giám đốc phụ trách bộ phận, giám đốc/tổng giám đốc điều hành doanh nghiệp;

- Nhóm chuyên viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: chuyên viên kế hoạch sản xuất, quản lý chất lượng và năng suất, quản đốc phân xưởng sản xuất, chuyên viên điều phối kho vận, mua sắm và quản lý hàng tồn kho, chuyên viên marketing, chuyên viên R&D, trưởng nhóm tiếp thị, chuyên viên nhân sự, chuyên viên phân tích tài chính và đầu tư, chuyên viên quản lý dự án.v.v.; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng các bộ phận/phòng chức năng, giám đốc phụ trách các lĩnh vực chức năng trong doanh nghiệp, giám đốc/tổng giám đốc doanh nghiệp, tổ chức/tập đoàn;

- Nhóm doanh nhân khởi nghiệp: có khả năng tự khởi nghiệp, tạo lập và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành doanh nghiệp rất nhỏ, nhỏ và vừa.

- Nhóm chuyên viên nghiên cứu, giảng dạy và quản lý thị trường: chuyên viên nghiên cứu quản trị kinh doanh, phân tích dự báo thị trường, quản lý thị trường tại các viện nghiên cứu tư vấn chính sách và kinh doanh/ cơ quan quản lý thị trường; trợ giảng tại các cơ sở giáo dục đại học; triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn về quản trị kinh doanh tại các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ và các tập đoàn kinh tế.

Tùy thuộc năng lực của mỗi cá nhân sau khi tốt nghiệp mà cử nhân Quản trị kinh doanh sẽ đảm nhận những vị trí công việc nào tại các tổ chức, doanh nghiệp. Con đường phát triển nghề nghiệp nhìn chung theo định hướng như sau:

- **Trong thời gian từ 0-4 năm** đầu tiên sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị kinh doanh có thể làm tại một vị trí công việc hoặc luân chuyển ở nhiều vị trí công việc về kinh doanh; trợ lý cho các nhà quản trị cấp trung; quản trị viên cấp tác nghiệp thuộc các lĩnh vực chức năng khác nhau và tự khởi sự kinh doanh. Cụ thể, họ có thể là:

• *Nhân viên kinh doanh*

• *Nhân viên/quản trị viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: marketing, sản xuất, bán hàng, nhân sự, dự án, chất lượng, cung ứng vật tư*

• *Trợ lý trưởng bộ phận kinh doanh*

• *Trợ lý dự án*

• *Chuyên viên phân tích và tư vấn kinh doanh*

• *Chủ doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở kinh doanh nhỏ*

- **5-10 năm:** cử nhân Quản trị kinh doanh có thể phát triển đến các vị trí:

• *Trưởng một đơn vị trực thuộc: trưởng cửa hàng bán lẻ, trưởng chi nhánh, đại diện khu vực*

• *Giám đốc điều hành vùng/khu vực*

• *Chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ*

- **Sau 10 năm,** với các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tích lũy được từ hoạt động quản trị điều hành nhiều chức năng khác nhau và quản lý điều hành tổng quát các đơn vị cấp nhỏ lẻ, đỉnh cao nghề nghiệp của một cử nhân Quản trị kinh doanh là:

• *Giám đốc doanh nghiệp*

• *Tổng giám đốc tổng công ty/tập đoàn*

• *Chủ một doanh nghiệp phát triển bền vững*

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để có thể:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
	PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung:												
Mục tiêu cụ thể												
PO1	x											
PO2		x	x	x								
PO3					x	x	x					
PO4								x	x	x		
PO5											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *59 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *30 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *9 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT, TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33,24,90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26,8,60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**5**		
001351	1. Xác suất thống kê	KHƯD	2	(26,8,60)	x
003283	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	2	(26,8,60)	x
002967	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15,0,30)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**4**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15,0,30)	x
002238	3. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	QT&MAR	1	(15,0,30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15,0,30)	x
002969	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	P. KHCN	1	(15,0,30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37,16,0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22,16,0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7,16,0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4,56,0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**23**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		***14***		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
001201	3. Quản trị học	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	KT	3	(39,12,90)	x
000568	5. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26,8,60)	x
001269	6. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26,8,60)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 3 trong các học phần)		***9***		
003362	Văn hoá doanh nghiệp	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
003363	Đạo đức kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001715	Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
003364	Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001109	Tài chính tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	x
000666	Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**50**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		***35***		
001104	Marketing căn bản	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000497	Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000970	Quản trị tài chính	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001427	Quản trị sản xuất	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001392	Quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001426	Quản trị chiến lược	QT&MAR	3	(36,18,90	x
001106	Quản trị kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001324	Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
001345	Thực hành quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
001108	Thực hành quản trị tài chính	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
001373	Thực hành quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		***15***		
001107	1. Quản trị Marketing	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001608	2. Truyền thông marketing tích hợp	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001370	3. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
001607	4. Quản trị Logistics	TM	3	(39,12,90)	
002062	5. Quản trị đổi mới sáng tạo	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002568	6. Khởi sự kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001105	7. Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001601	8. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001371	9. Quản trị hành chính văn phòng	QT&MAR	3	(36,18,90	x
001617	10. Quản trị nhóm làm việc	QT&MAR	3	(36,18,90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		**25**		
	2.3.1. Module 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		8		
001254	1. Quản trị chất lượng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001893	2. Thực hành mô phỏng chiến lược	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
001253	1. Quản trị dự án	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001335	2. Lập và quản lý dự án đầu tư	QT&MAR	3	(36,18,90)	
000899	**Thực tập cuối khoá ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	**x**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003373	Chuyên đề 1: Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003374	Chuyên đề 2: Quản trị thương hiệu	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003375	Chuyên đề 3: Quản trị chất lượng dịch vụ	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
	2.3.2. Module 2: Quản trị bán hàng		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		8		
002719	1. Quản trị bán lẻ	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002720	2. Thực hành quản trị bán lẻ	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
003376	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động bán hàng	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
002101	1. Quản trị quan hệ khách hàng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002390	2. Quan hệ công chúng	QT&MAR	3	(36,18,90)	
000899	**Thực tập cuối khóa ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	**x**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003377	Chuyên đề 1: Digital marketing	QT&MAR	3	(0,90,0)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003378	Chuyên đề 2: Quản trị kênh phân phối	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003379	Chuyên đề 3: Marketing B2B	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
	2.3.3. Module 3: Quản trị nhân lực		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		8		
002721	1. Tuyển dụng nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002723	2. Thực hành tuyển dụng nhân lực	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
003380	3. Tiểu luận 2: Đánh giá hiệu suất nhân lực	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
002722	1. Phát triển nguồn nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002725	2. Tổ chức và định mức lao động	QT&MAR	3	(36,18,90)	
000899	**Thực tập cuối khóa ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	**x**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003381	Chuyên đề 1: Quản trị nhân lực số	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003382	Chuyên đề 2: Quan hệ lao động	QT&MAR	3	(0,90,0)	x
003383	Chuyên đề 3: Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	QT&MAR	3	(0,90,0)	x

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

☐ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

☐ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

☐ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long